

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HC-ST

Ngày 22 - 4 - 2024

V/v khiếu kiện các quyết định hành
chính và hành vi hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuý Hồng

Bà Nguyễn Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 65/2023/TLST-HC ngày 27 tháng 10 năm 2023 về khiếu kiện các quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HC ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Hà Văn H và bà Vương Thị Trúc L; đồng cư trú tại: Số G đường N, khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Vũ Đình N; cư trú tại: Số F đường T, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai là người đại diện theo uỷ quyền của ông Hà Văn H và bà Vương Thị Trúc L (văn bản uỷ quyền ngày 04/3/2024) (Có mặt)

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định;

2. Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Bùi Văn C – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A là người đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A (Vắng mặt)

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định (Vắng mặt)
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Quốc C1 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Hà Văn H và bà Vương Thị Trúc L, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện ông Vũ Đình N thống nhất trình bày:

Các thửa đất có số hiệu 16, 17, 18, diện tích khoảng 4.000m² tại thôn T, xã N, huyện A (nay là thửa đất số 910, tờ bản đồ số 10, diện tích 3.781m² tại khu vực T, phường N, thị xã A – viết tắt là thửa đất số 910) có nguồn gốc là của ông bà quản lý sử dụng từ năm 1895 để lại cho ông Hà Văn H và bà Vương Thị Trúc L. Gia đình ông H, bà L sinh sống ổn định, tăng gia sản xuất liên tục, không có ai tranh chấp và đóng thuế hàng năm cho Nhà nước. Năm 1999, gia đình ông H, bà L có xây dựng thêm 01 ngôi nhà trên đất, sinh sống ổn định và không tranh chấp với ai.

Ngày 02/7/2021, ông H, bà L xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là GCN) đối với toàn bộ diện tích đất trên. Tại trích lục được Ủy ban nhân dân thị xã A (viết tắt là UBND thị xã A) cấp GCN không thể hiện có bất cứ con đường chung nào đi qua diện tích đất của gia đình ông H, bà L.

Trong thực tế, đầu năm 2001, gia đình ông H, bà L đã tự ý mở 02 con đường đất nội bộ đi trên phần đất của gia đình để tách sổ chuyển nhượng cho một số hộ dân với mục đích thuận tiện cho việc đi lại. Trong đó, 01 con đường đi nội bộ (lối đi riêng) có chiều dài 80m x rộng 4,2m = 336m² (nay tiếp nối, chồng với đường T nối dài) và 01 con đường dài 80m x rộng 3,5m = 280m² (nay là đường N).

Đầu năm 2003, bà Phan Thị D (mẹ bà L) già yếu, đã chuyển nhượng cho bà L toàn bộ diện tích đất thuộc thửa đất số 865, tờ bản đồ số 10, trong đó có diện tích 90,6m² đất ở (sát cạnh lô đất của ông H, bà L) để chuyển về sinh sống cùng với vợ chồng ông H, bà L. Cạnh bên căn nhà này còn lại 01 lô đất có chiều dài 20m x rộng 6m = 120m² gia đình sử dụng để trồng cây lâu niên, một phần xây dựng cầu tiêu, nhà tắm cho rộng rãi để bà D sinh hoạt (hiện trạng vẫn còn nguyên. Năm 2023, UBND thị xã A triển khai dự án giải phóng mặt bằng để làm đường T nối dài. Khi phóng tuyến đường xuyên qua đã chồng lên lô đất rộng 120m² trên, tuyến đường mới này cũng chồng lên con đường đi nội bộ (lối đi riêng) của gia đình ông H, bà L có chiều dài 80m x chiều rộng 4,2m = 336m² nhưng UBND phường N, thị xã A (viết tắt là UBND phường N) đã không đưa 02 phần diện tích đất này vào diện bị thu hồi để đền bù, bồi thường giải phóng mặt bằng, khiến gia đình ông H, bà L bị thiệt hại lớn về kinh tế, gây ảnh hưởng lớn đến uy tín của gia đình.

Tháng 7/2023, ông H, bà L đã làm đơn khiếu nại gửi Ban tiếp công dân thị xã A; lúc đầu ông bà yêu cầu bồi thường đất và tài sản trên đất của lô đất dài 20m x rộng 6m = 120m² (mà chưa yêu cầu bồi thường lối đi nội bộ của gia đình có chiều dài 80m x chiều rộng 4,2m = 336m²) nhưng đến ngày 08/8/2023, gia đình nhận được Thông báo số 51/TB-UBND về kết quả kiểm tra giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị của ông bà. Nội dung thông báo trên chỉ mang yếu tố nhận định chủ quan của cán bộ (cán bộ mới về nhận nhiệm vụ tại phường), không tìm hiểu kỹ về nguồn gốc lô đất, UBND phường N không đưa ra được bất kỳ giấy tờ lưu giữ nào chứng minh phần diện tích đất trên là quỹ đất dành để làm đường, trong khi đó trước đây trên bản đồ khu dân cư chưa có tuyến đường này hoặc dự án phóng tuyến đường này, nay mới có dự kiến phóng tuyến đường T nối dài. Gia đình ông H, bà L chứng minh rằng đã được cấp GCN năm 2003, 2007 và 2015 kèm theo nhưng lãnh đạo phường N chỉ nại ra lý do chủ quan (phỏng đoán) cho rằng giải phóng mặt bằng đường Trương Hán Siêu nối dài đã có kế hoạch làm đường từ ngày xưa để thu hồi, sau đó tham mưu cho UBND thị xã A lấy đất và tài sản của gia đình mà không đền bù, bồi thường là trái quy định, gây thiệt hại về kinh tế. Ngày 07/9/2023, UBND phường N thông báo ông H, bà L đến trụ sở phường làm việc nhưng tại buổi làm việc, cán bộ phường không dựa vào quy định của pháp luật, không xuất trình được tài liệu, văn bản chứng minh là từ ngày xưa (không xác định thời gian nào) đã có quỹ đất dùng để phóng tuyến đường T nối dài.

Ngày 18/9/2023, Chủ tịch UBND phường N ban hành Quyết định số 361/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 361) về việc không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông H, bà L. Không đồng ý quyết định trên, ông H, bà L tiếp tục khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND thị xã A, yêu cầu xác minh làm rõ nguồn gốc đất, làm rõ nội dung diễn biến sự việc và huỷ Quyết định số 361. Ngày 18/12/2023, Chủ tịch UBND thị xã A ban hành Quyết định số 11905/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 11905) về việc giải quyết khiếu nại lần 2 với nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định số 361, giao UBND phường N thủ tục đề nghị Hội đồng giải phóng mặt bằng tính bổ sung hỗ trợ nhà tạm 2,2m², nhà tạm 5,4m² và bồi thường cây trồng cho vợ chồng ông H, bà L.

Nhận thấy các quyết định trên là không đúng quy định, do đó ông H và bà L yêu cầu Toà án huỷ Quyết định số 361 và Quyết định số 11905; buộc UBND thị xã A bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất theo quy định đối với 02 thửa đất bị ảnh hưởng thu hồi cho vợ chồng ông bà theo quy định khi thực hiện Dự án mở rộng đường T.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao quyết định hành chính bị kiện, người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, ông Bùi Văn C – Phó Chủ tịch UBND thị xã A trình bày:

[1] Ngày 18/9/2023, Chủ tịch UBND phường N ban hành Quyết định số 361 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông H, theo đó: *“Không công nhận toàn bộ nội dung vợ chồng ông Hà Văn H và bà Vương Thị Trúc L khiếu nại vì, phần diện tích 120m² là đất màu (BHK) thuộc thửa đất số 391, tờ bản đồ số 10 do UBND phường quản lý sử dụng nay là đất hành lang giao thông đường Trương Hán Siêu nối dài và phần đất có chiều ngang 4,2m, chiều dài 70m là đất đường đi, không được Nhà nước công nhận cho vợ chồng ông phần đất này”*.

[2] Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND phường N, ông H gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thị xã A, gồm 02 nội dung:

“Ông Hà Văn H và bà Vương Thị Trúc L khiếu nại UBND phường N không lập thủ tục bồi thường liên quan đến Công trình: Nâng cấp, mở rộng đường T nối dài đối với phần đất có diện tích 120m² sử dụng trồng cây lâu năm trên đất đã xây dựng cầu tiêu, nhà tắm nằm ở phía Tây thửa đất 865, tờ bản đồ số 10 thuộc khu vực T, phường N do gia đình ông sử dụng từ trước năm 1975 đến nay.

Ông Hà Văn H và bà Vương Thị Trúc L khiếu nại UBND phường N không bồi thường phần đất có chiều ngang 4,2m, chiều dài 70m mà gia đình ông mở lối đi nội bộ năm 2003, hiện nay UBND phường N đang thi công công trình nâng cấp, mở rộng đường T nối dài”.

[3] Qua xem xét đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND thị xã A giao Thanh tra kiểm tra, rà soát, kết quả như sau:

- Đối với nội dung khiếu nại *“Yêu cầu bồi thường phần diện tích 120m² T do gia đình ông sử dụng từ trước năm 1975 đến nay trồng cây lâu năm trên đất đã xây dựng cầu tiêu, nhà tắm nằm ở phía Tây thửa đất 865, tờ bản đồ số 10 thuộc khu vực T, phường N”*:

Về nguồn gốc đất được UBND phường N xác nhận như sau: Theo Bản đồ, Sổ mục kê năm 1993 thì diện tích 120m² thuộc một phần thửa đất số 391, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.888m², loại đất màu do UBND phường N đứng tên kê khai đăng ký sử dụng. Tại thời điểm thực hiện chủ trương cấp GCN cho hộ gia đình, cá nhân lấn, chiếm đất theo Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 18/3/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Ngày 15/6/2008, bà Phạm Thị D1 có đơn kê khai tình hình sử dụng đất do lấn, chiếm đất. Ngày 28/11/2008, Hội đồng tư vấn xét duyệt đất đai của xã N họp xét các trường hợp lấn, chiếm đất đai ở thôn T, trong đó có trường hợp bà D1 chiếm đất màu xây dựng nhà ở năm 2003 (trước ngày 01/7/2004) với diện tích 90,6m², nhà cấp 4 diện tích xây dựng nhà ở 70,02m², diện tích đất trồng 19,61m² đủ điều kiện xem xét cấp GCN (kèm theo sơ đồ hiện trạng sử dụng nhà ở đất ở của bà D1 do UBND phường N).

Ngày 01/10/2009, bà D1 có đơn xin cấp GCN tại phần đất nêu trên. Ngày 16/10/2009, UBND phường N sơ đồ hiện trạng nhà đất của bà D1 tại thửa đất số 865 (chính lý từ một phần thửa màu 391), tờ bản đồ số 10, diện tích 90,6m² và có

tứ cận: Đông giáp nhà đất của ông Vương Thành C2, Tây giáp tim đường quy hoạch 5,5m, Nam cách tim đường quy hoạch 5m, Bắc giáp thửa đất ONT 392.

Ngày 21/10/2009, UBND phường N đã kiểm tra, xác nhận vào đơn xin cấp GCN, có nguồn gốc: Bà D1 tự ý chiếm đất màu xây dựng nhà ở năm 2003, sử dụng ổn định, không có tranh chấp, phù hợp quy hoạch, đồng thời gửi hồ sơ cấp GCN của bà D1 đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện A (nay là thị xã A) thụ lý giải quyết.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ cấp GCN của bà D1, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện A đã thẩm tra hồ sơ, có Phiếu chuyển thông tin thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với diện tích 90,6m² đất ở gửi đến Chi cục thuế A. Ngày 09/11/2009, Chi cục thuế A có Thông báo số 662/TBNTSDĐ về việc nộp tiền sử dụng đất và Thông báo số 2393/TB-LPTBND lệ phí trước bạ nhà đất đối với bà D1. Ngày 27/11/2009, bà D1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước, UBND huyện A cấp GCN số H03587/QSDĐ/II ngày 19/11/2009 cho bà D1 tại thửa đất số 865 (chỉnh lý từ một phần thửa 391), tờ bản đồ số 10, diện tích 90,6m², loại đất ở và nhà cấp 4 diện tích xây dựng nhà ở 70,02m². Ngày 28/9/2011, bà D1 đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất trên kể cả nhà ở cho ông Nguyễn Quốc T1 sử dụng cho đến nay.

Theo kết quả kiểm tra, xác minh: Phần đất 120m² mà ông Hà Văn H yêu bồi thường có nguồn gốc là đất màu (BHK) thuộc một phần thửa đất 391, tờ bản đồ số 10 nay là đất giao thông đường Trương Hán Siêu nối dài do UBND phường N quản lý nhưng năm 2011 ông H đã lấn, chiếm tự ý xây dựng nhà tắm 2,2m², nhà tạm 5,4m² và trồng một số cây cối gồm: 01 cây sồng giá, 01 cây keo dai, 01 cây táo nhơn, 01 cây bàng, 01 cây trứng cá, 02 cây mai, 04 cây sanh, 01 cây na có quả.

- Đối với nội dung khiếu nại “*Yêu cầu bồi thường phần đất có chiều ngang 4,2m, chiều dài 70m mà gia đình ông mở lối đi nội bộ năm 2003, hiện nay UBND phường N đang thi công công trình nâng cấp, mở rộng đường T nối dài*”:

Ngày 26/3/2003, UBND huyện A cấp GCN cho bà Vương Thị Trúc L (vợ ông H) tại thửa đất số 910, tờ bản đồ số 10, diện tích 3.781m², loại đất vườn, trong đó trích lục thửa đất thể hiện phía Đông là đường đi (phần đường đi này vợ chồng cho rằng của gia đình ông bà và yêu cầu bồi thường).

Ngày 30/7/2007, UBND huyện A cấp đổi GCN cho ông H, bà L tại thửa đất trên, diện tích 3.781m² (đất ở 200m² và đất trồng cây lâu năm 3.581m²), trong đó sơ đồ thửa đất thể hiện phía Đông giáp đường đi.

Ngày 03/12/2015, UBND thị xã A cấp đổi GCN cho ông H, bà L tại thửa đất số 910, tờ bản đồ số 10, diện tích 2.633,4m² (đất ở 250m² và đất trồng cây lâu năm 2.383,4m²), trong đó sơ đồ thửa đất thể hiện phía Đông giáp đường đi 4,2m.

Ngày 18/10/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp đổi GCN cho ông H, bà L tại thửa đất số 910, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.977,6m² (đất ở 60m² và đất trồng cây lâu năm 1.937,6m²), trong đó sơ đồ thửa đất thể hiện phía Đông giáp đường đi 4,2m.

Kết quả buổi đối thoại ngày 29/11/2023 như sau: Các cơ quan tham dự thống nhất với kết quả kiểm tra, xác minh và đề xuất giải quyết khiếu nại của Tổ xác minh thị xã tại Văn bản số 72/BC-TXM ngày 22/11/2023 đối với ông H, bà L, theo đó: “*Không công nhận nội dung vợ chồng ông Hà Văn H và bà Vương Thị Trúc L khiếu nại đòi bồi thường phần diện tích 120m² là đất màu (BHK) thuộc thửa đất số 391, tờ bản đồ số 10 nay là đất hành lang giao thông đường Trương Hán Siêu nối dài do UBND phường quản lý nhưng đã để ông Hà Văn H lấn, chiếm xây dựng nhà tắm 2,2m², nhà tạm 5,4m² và trồng cây năm 2011 và phần đất có chiều ngang 4,2m, chiều dài 70m là đất đường đi, không được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông; công nhận Quyết định số 361 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Hà Văn H và bà Vương Thị Trúc L; giao Hội đồng giải phóng mặt bằng tính bổ sung hỗ trợ nhà tắm 2,2m², nhà tạm 5,4m² xây dựng trên đất màu (BHK) nay là đất giao thông năm 2011, bồi thường cây trồng trên đất cho vợ chồng ông H, bà L*”.

Ngày 18/12/2023, Chủ tịch UBND thị xã A ban hành Quyết định số 11905 về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông H, bà L; theo đó công nhận và giữ nguyên Quyết định số 361 là đúng quy định; giao UBND phường N thủ tục đề nghị Hội đồng giải phóng mặt bằng tính bổ sung hỗ trợ nhà tắm 2,2m², nhà tạm 5,4m² xây dựng năm 2011 trên đất màu (BHK) nay là đất giao thông, bồi thường cây trồng trên đất cho vợ chồng ông H, bà L.

Từ những căn cứ trên, Quyết định số 11905 được ban hành đúng quy định. Do đó, Chủ tịch UBND thị xã A không đồng ý đối với yêu cầu huỷ quyết định trên của ông H và bà L. Ngoài ra, Chủ tịch UBND thị xã A không có trình bày hoặc yêu cầu phản tố, độc lập nào khác.

Người bị kiện và đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Quốc C1 – Chủ tịch UBND phường N trình bày:

[1] Theo đơn khiếu nại đề ngày 21/8/2023, ông H và bà L khiếu nại UBND phường N không lập thủ tục bồi thường liên quan đến công trình mở rộng, nâng cấp đường Trương Hán Siêu nối dài với phần diện tích 120m² sử dụng trồng cây lâu năm trên đất đã xây dựng cầu tiêu, nhà tắm nằm phía Tây thửa đất số 865, tờ bản đồ số 10 thuộc khu vực T, phường N do gia đình ông bà sử dụng từ trước năm 1975 đến nay. Ngày 08/9/2023, vợ chồng ông H và bà L tiếp tục gửi đơn khiếu nại có nội dung khiếu nại UBND phường N không khảo sát lối đi nội bộ của gia đình ông bà tự mở có chiều ngang 4,2m, chiều dài 70m để đưa vào bồi thường công trình mở rộng, nâng cấp đường T nối dài.

[2] Đối với nội dung khiếu nại đòi bồi thường phần đất có diện tích 120m² T nằm ở phía Tây thửa đất 865, tờ bản đồ số 10 thuộc khu vực T, phường N do gia đình ông sử dụng từ trước năm 1975 đến nay: Ông thống nhất như nội dung trình bày của Chủ tịch UBND thị xã A về trình tự, thủ tục cấp GCN cho bà Phạm Thị D1.

Diện tích đất ông H khiếu nại là đất màu (BHK) thuộc một phần thửa đất số 391, tờ bản đồ số 10 do UBND phường N quản lý sử dụng (theo hồ sơ năm 1993), nằm ngoài GCN, không hợp thức hoá cho bà D1 vì bà D1 không kê khai đăng ký

sử dụng đất và tại thời điểm lập hồ sơ cấp GCN, UBND phường N đã dự kiến quy hoạch nâng cấp, mở rộng đường nên khi lập thủ tục đề nghị cấp GCN đã ghi giới cận phía tây thửa đất giáp đường quy hoạch và nay là đất hành lang giao thông đường T nối dài. Vợ chồng ông T, bà L không có liên quan, không thuộc quyền sử dụng của ông T, bà L.

[3] Đối với nội dung khiếu nại khiếu nại UBND phường N không khảo sát lối đi nội bộ của gia đình ông bà tự mở có chiều ngang 4,2m, chiều dài 70m để đưa vào bồi thường công trình mở rộng, nâng cấp đường Trương Hán Siêu nối dài:

Theo hồ sơ địa chính năm 1984 và 1998 thì phần đất ông H, bà L sử dụng không thể hiện trong Sổ mục kê, tờ bản đồ địa chính nhưng được cấp GCN tại các thửa đất sau:

- Theo hồ sơ địa chính năm 1984: Thửa đất số 09, tờ bản đồ số 03, diện tích 540m², loại đất màu, do Hợp tác xã nông nghiệp quản lý; thửa đất số 10, tờ bản đồ số 03, diện tích 820m², loại đất màu, tạm giao cho bà Phạm Thị H1 đăng ký sử dụng; thửa đất số 11, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.730m², loại đất màu, tạm giao cho bà Phạm Thị H1 đăng ký sử dụng; một phần thửa đất số 12, tờ bản đồ số 03, loại đất nghĩa địa.

- Theo hồ sơ địa chính năm 1998: Đo đạc lại thành các thửa đất do UBND xã quản lý: Thửa đất số 388, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.872m², loại đất Hg; thửa đất số 389, tờ bản đồ số 10, diện tích 624m², loại đất Hg; thửa đất số 390, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.136m², loại đất màu; thửa đất số 391, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.888m², loại đất màu. 04 thửa đất này được UBND huyện A giao cho vợ chồng ông H, bà L.

Ngày 02/7/2001, UBND huyện A cấp GCN cho ông H, bà L đối với diện tích 200m² tại thửa đất số 910, tờ bản đồ số 10 (diện tích đất ở thuộc thửa đất số 391, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.888m² do UBND xã N quản lý).

Ngày 26/3/2003, UBND huyện A tiếp tục cấp GCN số 02434/QSDĐ/I1 cho bà L tại thửa đất số 910, tờ bản đồ số 10, diện tích 3.781m², loại đất vườn (thửa 910 bao gồm 04 thửa 388, 389, 390, 391 trong tờ bản đồ năm 1993 gồm đất màu và đất hoang do UBND xã N quản lý). Diện tích đất giao nêu trên đã trừ 04 thửa đất 872, 873, 874, 908 mà ông H, bà L bán cho người khác trước khi cấp GCN ngày 26/3/2003. Về giới cận phía Đông giáp đường đi (nay là đường T nối dài). Như vậy, khi cấp GCN năm 2003, UBND huyện A đã thể hiện đường đi (đất công cộng).

Qua các lần ông H làm thủ tục cấp đổi lại GCN, giới cận phía Đông thửa đất 910 đều giáp đường đi. Trên cơ sở có đường đi này nên ông H, bà L đã làm hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất, tách thửa, chuyển nhượng đất cho 04 người khác quay mặt ra đường đi này (đường đi này ông H, bà L đang khiếu kiện đòi bồi thường ngang 4,2m, dài 70m). Phần đất ông T, bà L khiếu nại không thuộc quyền sử dụng của ông bà mà là đất công cộng, đường đi cho nhiều người nên UBND phường N không thể đề nghị bồi thường về đất cho ông T, bà L được.

Từ những căn cứ trên, việc ông T, bà L khiếu nại là không có cơ sở nên ngày 18/9/2023, Chủ tịch UBND phường N ban hành Quyết định số 361 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông H, theo đó không công nhận toàn bộ nội dung vợ chồng ông Hà Văn H và bà Vương Thị Trúc L là đúng quy định. Do đó, Chủ tịch UBND phường N và UBND phường N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H, bà L yêu cầu Tòa án huỷ Quyết định số 361 và buộc UBND thị xã A bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất theo quy định đối với 02 thửa đất bị ảnh hưởng thu hồi cho vợ chồng ông bà theo quy định khi thực hiện Dự án mở rộng đường T.

Ngoài ra, Chủ tịch UBND phường N và UBND phường N không có trình bày hoặc yêu cầu phản tố, độc lập nào khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Thay đổi lại quan hệ pháp luật của khiếu kiện các quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai;

- Tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập thêm tài liệu, chứng cứ về việc thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp đường T để xác định làm rõ cơ quan nào là chủ đầu tư dự án? Cơ quan nào có thẩm quyền để lập thủ tục bồi thường? Lập thủ tục bồi thường... đối với tài sản, đất đai bị ảnh hưởng thu hồi bởi dự án để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng người khởi kiện ông ... và bà ... vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có các yêu cầu độc lập nào khác.

Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định đối với yêu cầu của người khởi kiện ông Hà Văn H và bà Vương Thị Trúc L theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, các quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Những người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại các Điều 157 và 158 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[1.2] Vào 25/12/2023, ông Hà Văn H và bà Vương Thị Trúc L nộp đơn khởi kiện trực tiếp tại Tòa án về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 361 và Quyết định số 11905; đồng thời, ông H và bà L yêu cầu Toà án buộc UBND thị xã A bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất theo quy định đối với 02 thửa đất bị ảnh hưởng thu hồi cho vợ chồng ông bà theo quy định khi thực hiện Dự án mở rộng đường T.

Các quyết định trên là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện nói trên của ông H và bà L là trong thời hiệu khởi kiện.

Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Theo đơn khiếu nại đề ngày 21/8/2023, ông H và bà L khiếu nại UBND phường N không lập thủ tục bồi thường liên quan đến công trình mở rộng, nâng cấp đường Trương Hán Siêu nối dài với phần diện tích 120m² sử dụng trồng cây lâu năm trên đất đã xây dựng cầu tiêu, nhà tắm nằm phía Tây thửa đất số 865, tờ bản đồ số 10 thuộc khu vực T, phường N do gia đình ông bà sử dụng từ trước năm 1975 đến nay; ông bà đề nghị UBND thị xã A thành lập Đoàn thanh tra, kiểm tra, xác minh cụ thể phần diện tích đất sẽ bị thu hồi làm đường Trương Hán Siêu nối dài để đền bù, bồi thường tương xứng, theo đúng quy định. Ngày 08/9/2023, vợ chồng ông H và bà L tiếp tục gửi đơn khiếu nại có nội dung khiếu nại UBND phường N không khảo sát lối đi nội bộ của gia đình ông bà tự mở có chiều ngang 4,2m, chiều dài 70m để đưa vào bồi thường công trình mở rộng, nâng cấp đường T nối dài.

Tại Quyết định số 361 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với đơn khiếu nại đề ngày 21/8/2023 và ngày 08/9/2023 của vợ chồng ông H và bà L; theo đó *“Không công nhận toàn bộ nội dung vợ chồng ông Hà Văn H và bà Vương Thị Trúc L khiếu nại vì, phần diện tích 120m² là đất màu (BHK) thuộc thửa đất số 391, tờ bản đồ số 10 do UBND phường quản lý sử dụng nay là đất hành lang giao thông đường Trương Hán Siêu nối dài và phần đất có chiều ngang 4,2m, chiều dài 70m là đất đường đi, không được Nhà nước công nhận cho vợ chồng ông phân đất này”*.

Không đồng ý với quyết định trên, ông H và bà L tiếp tục khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND thị xã A.

Ngày 18/12/2023, Chủ tịch UBND thị xã A ban hành Quyết định số 11905 về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông H, bà L; theo đó: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 361 là đúng quy định; giao UBND phường N thủ tục đề nghị Hội đồng giải phóng mặt bằng tính bổ sung hỗ trợ nhà tạm 2,2m², nhà tạm 5,4m² xây dựng năm 2011 trên đất màu (BHK) nay là đất giao thông, bồi thường cây trồng trên đất cho vợ chồng ông H, bà L.

[3] Theo Điều 66 của Luật đất đai ngày 29/11/2013 quy định về thẩm quyền thu hồi đất thì:

“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây:

a) Thu hồi đất đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây:

a) Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư;

b) Thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.

3. Trường hợp trong khu vực thu hồi đất có cả đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi đất hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất.”

Tại điểm a khoản 3 Điều 69 của Luật đất đai ngày 29/11/2013 quy định trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng *“Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày”*.

Đối chiếu với quy định nói trên, Ủy ban nhân dân cấp phường không có thẩm quyền thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Đối chiếu với nội dung đơn khiếu nại đề ngày 21/8/2023, đơn khiếu nại đề ngày 08/9/2023 của ông H, bà L và căn cứ quy định trên thì Chủ tịch UBND thị xã A là cá nhân có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu của ông H, bà L chứ không phải là Chủ tịch UBND phường N.

Do đó, Chủ tịch UBND phường N ban hành Quyết định số 361 là không đúng quy định về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính.

Vì Quyết định số 361 được ban hành không đúng quy định về thẩm quyền nên Quyết định số 11905 có nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định số 361 là đúng quy định cũng được ban hành không đúng quy định về thẩm quyền.

Từ những căn cứ nói trên, Quyết định số 361 và Quyết định số 11905 có vi phạm về thẩm quyền ban hành; do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét chấp nhận một

phần yêu cầu khởi kiện của ông H và bà L, hủy 02 quyết định hành chính nói trên do có vi phạm về thẩm quyền ban hành; đồng thời không xem xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung, thời hiệu, thời hạn, trình tự, thủ tục ban hành của Quyết định số 361 và Quyết định số 11905.

[4] Như nhận định tại phần [3], Quyết định số 361 và Quyết định số 11905 đã bị hủy do có vi phạm về thẩm quyền ban hành nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét yêu cầu của ông H, bà L về việc buộc UBND thị xã A bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất theo quy định đối với 02 thửa đất bị ảnh hưởng thu hồi cho vợ chồng ông bà theo quy định khi thực hiện Dự án mở rộng đường T.

Yêu cầu trên của ông H và bà L sẽ được Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, giải quyết khi thụ lý, giải quyết lại đơn khiếu nại của ông bà hoặc được Tòa án xem xét, giải quyết lại trong một vụ án hành chính khác khi ông bà khởi kiện tại Tòa án yêu cầu hủy các quyết định hành chính khác của Ủy ban nhân dân các cấp về việc bồi thường, hỗ trợ của Nhà nước khi thực hiện Dự án mở rộng đường T.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Chủ tịch UBND phường N và Chủ tịch UBND thị xã A mỗi người phải chịu 150.000 đồng.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị Hội đồng xét xử thay đổi lại quan hệ pháp luật của khiếu kiện các quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập thêm tài liệu, chứng cứ về việc thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp đường T, ai là đơn vị chủ đầu tư dự án mở rộng, nâng cấp đường T nói dài để xác định trách nhiệm bồi thường là phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính.

- Căn cứ vào quy định của Điều 66 và điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai ngày 29/11/2013.

- Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn H và bà Vương Thị Trúc L; hủy Quyết định số 11905/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định và hủy Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định;

2. Không xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn H và bà Vương Thị Trúc L về việc buộc Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất theo quy định đối với 02 thửa đất bị ảnh hưởng thu hồi cho vợ chồng ông Hà Văn H và bà Vương Thị Trúc L theo quy định khi thực hiện Dự án mở rộng đường T.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định mỗi người phải chịu 150.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Hải